

Số: /KL-STP

Quảng Ngãi, ngày 22 tháng 12 năm 2021

## **KẾT LUẬN THANH TRA**

**Việc chấp hành quy định pháp luật về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND xã Phổ Cường, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi**

Thực hiện Quyết định số 142/QĐ-STP ngày 02/11/2021 của Giám đốc Sở Tư pháp về việc thanh tra chuyên ngành việc chấp hành pháp luật về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND các xã Phổ Thuận, Phổ Cường, Phổ An, phường Phổ Văn, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi; ngày 19/11/2021, Đoàn Thanh tra Sở Tư pháp đã tiến hành thanh tra tại UBND xã Phổ Cường, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Xét Báo cáo số 26/BC-ĐTTr ngày 20/12/2021 của Trưởng Đoàn Thanh tra, Giám đốc Sở Tư pháp kết luận như sau:

### **I. KHÁI QUÁT VỀ ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH, HOẠT ĐỘNG ĐƠN VỊ**

#### **1. Đặc điểm, tình hình đơn vị**

Xã Phổ Cường nằm về phía Tây Nam thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, cách trung tâm thị xã 07 km. Phía Đông giáp xã Phổ Khánh; phía Tây giáp phường Phổ Hòa và xã Ba Trang, huyện Ba Tơ; phía Nam giáp xã Phổ Khánh và vùng cực nam giáp tỉnh Bình Định; phía Bắc giáp phường Phổ Vinh. Diện tích tự nhiên 4.806,9 ha, được phân thành 07 thôn, toàn xã có khoảng 3.110 hộ, dân số khoảng 14.942 người. Đa số người dân sống bằng nghề nông, còn lại buôn bán nhỏ lẻ và các ngành nghề khác; trình độ dân trí địa phương còn thấp nên nhận thức thực hiện pháp luật còn hạn chế.

Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch trong hoạt động quản lý nhà nước, trong năm qua, UBND xã đã chỉ đạo công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật khi giải quyết yêu cầu đăng ký hộ tịch, chứng thực hợp đồng, giao dịch của công dân; chỉ đạo triển khai, tổ chức tuyên truyền, phổ biến những nội dung cơ bản của pháp luật về hộ tịch và chứng thực thường xuyên, sâu rộng đến cán bộ, công chức và Nhân dân trên địa bàn xã thông qua nhiều hình thức phong phú, đa dạng phù hợp với từng đối tượng.

Về biên chế thực hiện công tác tư pháp: UBND xã bố trí 02 công chức đủ tiêu chuẩn theo quy định của Luật Hộ tịch thực hiện nhiệm vụ tham mưu công tác tư pháp.

Về cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc: UBND xã bố trí phòng làm việc, trang bị phương tiện đầy đủ, đáp ứng tốt yêu cầu thực hiện nhiệm vụ.

## 2. Kết quả thực hiện

Trong thời kỳ thanh tra, UBND xã Phở Cường đã thực hiện đăng ký 841 sự kiện hộ tịch và chứng thực 251 hợp đồng, giao dịch. Cụ thể:

### *Công tác đăng ký và quản lý hộ tịch*

<b>SỰ KIỆN HỘ TỊCH</b>	<b>Năm 2020</b> <i>(từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020)</i>
Đăng ký khai sinh	<b>383</b>
Trong đó: - Đúng hạn	154
- Quá hạn	25
- Đăng ký lại	204
Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	<b>241</b>
Đăng ký kết hôn	<b>88</b>
Đăng ký lần đầu	82
Đăng ký lần 02	06
Đăng ký khai tử	<b>123</b>
Trong đó: - Đúng hạn	55
- Quá hạn	68
Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	<b>05</b>
Đăng ký nhận cha, mẹ, con	<b>01</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>841</b>

### *b) Công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch*

<b>LOẠI HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH</b>	<b>Năm 2020</b> <i>(từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020)</i>
Chuyển nhượng QSDĐ	102
Tặng cho QSDĐ	88
Văn bản phân chia di sản thừa kế	50
Văn bản khai nhận di sản thừa kế	08

Văn bản hủy di chúc	03
<b>Tổng cộng</b>	<b>251</b>

## II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

Kết quả kiểm tra sổ sách và xem xét ngẫu nhiên một số hồ sơ về đăng ký, quản lý hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch do UBND xã Phổ Cường thực hiện từ ngày 01/01/2020 - 31/12/2020. Cụ thể như sau:

### 1. Công tác đăng ký, quản lý hộ tịch

#### 1.1. Sổ hộ tịch

- UBND xã sử dụng các loại Sổ đăng ký hộ tịch đúng biểu mẫu Sổ hộ tịch được ban hành kèm theo Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.

- 11 trường hợp, công chức tư pháp - hộ tịch sửa chữa thông tin trong Sổ hộ tịch không đúng quy định. Cụ thể: Trong Sổ đăng ký khai sinh, tại các số 03, 27, 33, 82, 139, 157, 365/2020; trong Sổ đăng ký kết hôn, tại các số 01, 37/2020; trong Sổ đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch, tại số 01/2020; trong Sổ đăng ký khai tử, tại số 10/2020, gạch sửa thông tin, không ghi chú việc sửa thông tin theo quy định.

Việc sửa chữa thông tin trong Sổ hộ tịch phải thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Thông tư số 15/2015/TT-BTP (nội dung này được quy định tại khoản 1 Điều 35 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch, có hiệu lực thi hành từ ngày 16/7/2020).

- 06 trường hợp, công chức tư pháp - hộ tịch ghi không đầy đủ thông tin ở các mục trong Sổ hộ tịch là vi phạm quy định tại Khoản 5 Điều 19 Thông tư số 15/2015/TT-BTP (nội dung này được quy định tại khoản 5 Điều 29 Thông tư số 04/2020/TT-BTP): *Các cột, mục trong Sổ hộ tịch, giấy tờ hộ tịch phải được ghi đầy đủ, chính xác theo đúng hướng dẫn trong Sổ hộ tịch và Thông tư này.* Cụ thể: Trong Sổ đăng ký khai sinh: Tại số 05, 255/2020, không ghi giấy tờ tùy thân của người đi đăng ký khai sinh, số 379/2020, không ghi thông tin quê quán, số 41, 83/2020, không ghi họ tên người ký Giấy khai sinh; Trong Sổ đăng ký kết hôn: tại số 49/2020, không ghi ngày tháng năm xác lập quan hệ hôn nhân.

#### 1.2. Hồ sơ đăng ký hộ tịch

- 02 trường hợp, UBND xã đăng ký lại khai sinh, nội dung khai sinh đăng ký lại không đúng với giấy tờ, tài liệu kèm theo là vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 26 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP: *Trường hợp người yêu cầu không có bản sao*

*Giấy khai sinh nhưng hồ sơ, giấy tờ cá nhân có sự thống nhất về nội dung khai sinh thì đăng ký lại theo nội dung đó. Nếu hồ sơ, giấy tờ không thống nhất về nội dung khai sinh thì nội dung khai sinh được xác định theo hồ sơ, giấy tờ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp chính thức hợp lệ đầu tiên; riêng đối với cán bộ, công chức, viên chức, người đang công tác trong lực lượng vũ trang thì nội dung khai sinh được xác định theo văn bản của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này. Cụ thể: Hồ sơ số 300/2020, nội dung Sổ hộ khẩu cấp năm 2018 kèm theo ghi sinh ngày 10/6/1972; nội dung Giấy CMND cấp năm 2014 kèm theo ghi sinh ngày 10/6/1970, nhưng nội dung khai sinh ghi sinh ngày 10/6/1970; Hồ sơ số 306/2020, nội dung Sổ hộ khẩu kèm theo ghi họ tên người mẹ Nguyễn Thị Đủ, sinh năm 1961, nhưng nội dung khai sinh ghi họ tên người mẹ Nguyễn Thị Yên, sinh năm 1935.*

- Nhiều trường hợp, UBND xã đăng ký lại khai sinh, kết quả xác minh tại cơ quan công an với nội dung “không có bản khai nhân khẩu tại tàng thư” là chưa đủ cơ sở để xác định thông tin về cha mẹ của người yêu cầu đăng ký lại khai sinh theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Thông tư số 04/2020/TT-BTP, như: Hồ sơ số 300, 301, 303, 308, 309, 316, 318, 319, 320, 321, 322, 339, 355/2020... Theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Thông tư số 04/2020/TT-BTP: *Trường hợp giấy tờ của người yêu cầu đăng ký lại khai sinh không có thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con thì cơ quan đăng ký hộ tịch có văn bản đề nghị cơ quan công an có thẩm quyền xác minh. Trường hợp cơ quan công an trả lời không có thông tin thì cơ quan đăng ký hộ tịch cho người yêu cầu đăng ký lại khai sinh lập văn bản cam đoan về thông tin của cha, mẹ theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Thông tư này và xác định nội dung khai sinh theo văn bản cam đoan. Do đó, trong những trường hợp này, kết quả xác minh tại cơ quan Công an phải thể hiện có hay không có thông tin về cha mẹ của người yêu cầu đăng ký lại khai sinh.*

- 05 trường hợp, UBND xã cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, tại mục “Tình trạng hôn nhân”, ghi không đúng quy định tại khoản 3 Điều 25 Thông tư số 15/2015/TT-BTP (nội dung này được quy định tại khoản 1 Điều 33 Thông tư số 04/2020/TT-BTP): *Nếu có đăng ký kết hôn hoặc chung sống với nhau như vợ chồng trước ngày 03/01/1987, nhưng vợ/chồng đã chết và chưa kết hôn mới thì ghi rõ là đã đăng ký kết hôn hoặc đã có vợ/chồng, nhưng vợ/chồng đã chết (Giấy chứng tử/Trích lục khai tử/Bản án số:... do... cấp ngày... tháng... năm...); hiện tại chưa đăng ký kết hôn với ai. Cụ thể: Tại số 45, 65, 130, 183, 209/2020, mục “Tình trạng hôn nhân” ghi “Đã có chồng nhưng đã chết. Hiện tại chưa đăng ký kết hôn với ai”.*

## **2. Công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch**

### **2.1. Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch**

UBND xã sử dụng Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch đảm bảo theo biểu mẫu Sổ được ban hành kèm theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.

### **2.2. Hồ sơ chứng thực hợp đồng, giao dịch**

- Hồ sơ chứng thực hợp đồng, giao dịch được lưu trữ đầy đủ, đảm bảo thuận tiện cho công tác tra cứu, kiểm tra hồ sơ.

- 02 trường hợp, UBND xã chứng thực hợp đồng, giao dịch, ghi thông tin về ngày chứng thực không thống nhất. Cụ thể: Hồ sơ số 109 ngày 21/8/2020, ghi ngày chứng thực bằng số là ngày 21/8/2020 nhưng ngày chứng thực bằng chữ là ngày hai mươi một tháng bảy năm hai ngàn không trăm hai mươi; hồ sơ số 136 ngày 17/9/2020, ghi ngày chứng thực bằng số là ngày 17/9/2020 nhưng ngày chứng thực bằng chữ là ngày mười sáu tháng chín năm hai ngàn không trăm hai mươi.

- Hồ sơ chứng thực số 122, 123 ngày 09/9/2020, tại lời chứng chứng thực Hợp đồng tặng cho của UBND xã, ghi cả 02 bên tham gia hợp đồng đều là bên tặng cho (không có bên được tặng cho).

- Việc vào sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch không theo thứ tự ngày tháng năm chứng thực, cụ thể: Hồ sơ số 154 có ngày chứng thực là 30/9/2020 nhưng hồ sơ số 155 có ngày chứng thực là 29/9/2020.

- Một số trường hợp, UBND xã chứng thực Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, ghi số tờ và số trang trong lời chứng chứng thực không chính xác, như: Hồ sơ số 175 ngày 14/10/2020, Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được chứng thực gồm 06 tờ 06 trang (bao gồm cả trang lời chứng) nhưng lời chứng ghi “*văn bản này gồm 05 tờ, 05 trang*”; hồ sơ số 147 ngày 21/9/2020, Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được chứng thực gồm 11 tờ 11 trang (bao gồm cả trang lời chứng) nhưng lời chứng ghi “*văn bản này gồm 9 tờ, 09 trang*”; hồ sơ số 150 ngày 23/9/2020, Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được chứng thực gồm 09 tờ 09 trang (bao gồm cả trang lời chứng) nhưng lời chứng ghi “*văn bản này gồm 7 tờ, 07 trang*”; hồ sơ số 176 ngày 14/10/2020, Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được chứng thực gồm 11 tờ 11 trang (bao gồm cả trang lời chứng) nhưng lời chứng ghi “*văn bản này gồm 9 tờ, 09 trang*”.

- 01 trường hợp, UBND xã chứng thực hợp đồng, giao dịch, sửa chữa thông tin trong hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực không đúng quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP: “*Người thực hiện chứng thực gạch chân lỗi sai sót cần sửa, đóng dấu của cơ quan thực hiện chứng thực và ghi vào bên lề của hợp đồng, giao dịch nội dung đã sửa, họ tên, chữ ký của người sửa, ngày tháng năm sửa*”. Cụ thể: Hồ sơ số 175 ngày 14/10/2020, sửa lỗi kỹ thuật từ “*gồm 05 tờ, 05 trang*” thành “*gồm 04 tờ, 04 trang*” nhưng không đóng dấu và ghi vào bên lề của hợp đồng, giao dịch nội dung đã sửa, họ tên, chữ ký của người sửa, ngày tháng năm sửa.

- Nhiều trường hợp, UBND xã chứng thực Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế nhưng nội dung Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế có 02 nội dung khác nhau là thừa kế di sản và tặng cho phần tài sản trong khối tài sản chung của các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp từ những người không được hưởng thừa kế là không đảm bảo theo quy định Thông tư số 01/2020/TT-BTP, như:

+ Hồ sơ số 147 ngày 21/9/2020: Bà Nguyễn Thị Đễ (chết năm 2009) có 02 người con là Phạm Văn Tuấn và Phạm Thị Liên. Bà Đễ chết để lại 05 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở ghi tên bà Nguyễn Thị Đễ, 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp ghi hộ bà Nguyễn Thị Đễ. Thời điểm cấp 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp, hộ bà Nguyễn Thị Đễ có 05 người gồm: Nguyễn Thị Đễ, Phạm Văn Tuấn, Bùi Thị Hón, Phạm Văn Vân, Phạm Văn Viên. Nội dung của Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, ngoài việc khai nhận và tặng cho phần di sản thừa kế được hưởng của bà Phạm Thị Liên cho ông Phạm Văn Tuấn, còn có nội dung thỏa thuận tặng cho phần tài sản trong khối tài sản chung của các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp do bà Nguyễn Thị Đễ, đại diện hộ gia đình đứng tên từ bà Bùi Thị Hón, Phạm Văn Vân, Phạm Văn Viên cho ông Phạm Văn Tuấn (chồng bà Hón và là cha của Phạm Văn Vân, Phạm Văn Viên).

Việc chứng thực đối với trường hợp này là không đảm bảo theo quy định của Thông tư số 01/2020/TT-BTP. Vì nội dung lời chứng chứng thực Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế theo quy định của Thông tư số 01/2020/TT-BTP là *“Các ông/bà có tên trên cam đoan không bỏ sót người thừa kế và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của văn bản thỏa thuận phân chia di sản. Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ yêu cầu và chứng thực, những người thỏa thuận phân chia di sản minh mẫn, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình, tự nguyện thỏa thuận phân chia di sản và đã cùng ký/điểm (7) chỉ vào văn bản thỏa thuận phân chia di sản này trước mặt ông/bà ... là người tiếp nhận hồ sơ”*, theo đó, chỉ được chứng thực đối với nội dung phân chia di sản thừa kế, không được chứng thực đối với việc tặng cho tài sản không phải là di sản thừa kế. Vì vậy, trong trường hợp này cần phải tách thành 02 hồ sơ là hồ sơ chứng thực Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế (giữa bà Phạm Thị Liên với ông Phạm Văn Tuấn) và hồ sơ tặng cho tài sản (giữa bà Bùi Thị Hón, Phạm Văn Vân, Phạm Văn Viên với ông Phạm Văn Tuấn).

+ Hồ sơ số 150 ngày 23/9/2020: Ông Nguyễn Phương (chết năm 2007) và bà Huỳnh Thị Trảng (chết năm 2018) có 03 người con là Nguyễn Minh Cường (chết năm 2003), Nguyễn Thị Khởi, Nguyễn Thị Thái. Ông Nguyễn Minh Cường có vợ là Lê Thị Bường và 03 người con là: Nguyễn Lê Đức Minh, Nguyễn Lê Minh Nhật, Nguyễn Lê Minh Pháp. Ông Nguyễn Phương và bà Huỳnh Thị Trảng chết để lại di sản là 07 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có 01 giấy CNQSDĐ ở ghi tên ông Nguyễn Phương và Huỳnh Thị Trảng; còn lại 06 Giấy CNQSDĐ nông nghiệp ghi hộ ông Nguyễn Phương và bà Huỳnh Thị Trảng. Thời điểm cấp 06 Giấy CNQSDĐ nông nghiệp, hộ ông Nguyễn Phương và bà Huỳnh Thị Trảng có 07 người là: Nguyễn Phương, Huỳnh Thị Trảng, Nguyễn Minh Cường, Lê Thị Bường, Nguyễn Lê Đức Minh, Nguyễn Lê Minh Nhật, Nguyễn Lê Minh Pháp. Nội dung của Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, ngoài việc khai nhận và tặng cho phần di sản thừa kế được hưởng của bà Nguyễn Thị Khởi, Nguyễn Thị Thái, Lê Thị Bường, Nguyễn Lê Minh Nhật, Nguyễn Lê Minh Pháp cho ông Nguyễn Lê Minh Đức (cháu), còn có nội dung thỏa thuận tặng cho phần tài sản trong khối tài sản chung của các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông

nghiệp do ông Nguyễn Phương và bà Huỳnh Thị Trảng đại diện hộ gia đình đứng tên từ ông Nguyễn Lê Minh Nhật, Nguyễn Lê Minh Pháp và Lê Thị Bường cho ông Nguyễn Lê Minh Đức.

Việc chứng thực đối với trường hợp này là không đảm bảo theo quy định của Thông tư số 01/2020/TT-BTP. Vì nội dung lời chứng chứng thực Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế theo quy định của Thông tư số 01/2020/TT-BTP chỉ được chứng thực đối với nội dung phân chia di sản thừa kế, không được chứng thực đối với việc tặng cho tài sản không phải là di sản thừa kế. Do đó, trường hợp này cần phải tách thành 02 hồ sơ là hồ sơ chứng thực Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế (giữa bà Nguyễn Thị Khởi, Nguyễn Thị Thái, Nguyễn Lê Minh Nhật, Nguyễn Lê Minh Pháp, Lê Thị Bường với ông Nguyễn Lê Minh Đức) và hồ sơ tặng cho tài sản (giữa Nguyễn Lê Minh Nhật, Nguyễn Lê Minh Pháp, Lê Thị Bường với ông Nguyễn Lê Minh Đức).

+ Hồ sơ số 159 ngày 02/10/2020: Ông Nguyễn Thừa (chết năm 2012) để lại phần di sản thừa kế là 07 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có 01 Giấy CNQSDĐ ở mang tên ông Nguyễn Thừa, 06 Giấy CNQSDĐ nông nghiệp ghi hộ ông Nguyễn Thừa. Ông Nguyễn Thừa có vợ là bà Dương Thị Dư (chết năm 1977) và 02 người con là Nguyễn Tâm, Nguyễn Thị Ý. Ông Nguyễn Tâm có vợ là bà Đào Thị Nhậm và 03 người con là Nguyễn Thị Hựu, Nguyễn Minh Tuấn, Nguyễn Minh Đường. Thời điểm cấp 06 Giấy CNQSDĐ nông nghiệp, hộ ông Nguyễn Thừa có 07 người gồm: Nguyễn Thừa, Nguyễn Tâm, Nguyễn Thị Ý, Đào Thị Nhậm, Nguyễn Thị Hựu, Nguyễn Minh Tuấn, Nguyễn Minh Đường. Nội dung của Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngoài việc khai nhận và tặng cho phần di sản thừa kế được hưởng của bà Nguyễn Thị Ý cho ông Nguyễn Tâm, còn có nội dung thỏa thuận tặng cho phần tài sản trong khối tài sản chung của các Giấy CNQSDĐ đất nông nghiệp do ông Nguyễn Thừa đại diện hộ gia đình đứng tên từ bà Nguyễn Thị Ý, Đào Thị Nhậm, Nguyễn Thị Hựu, Nguyễn Minh Tuấn, Nguyễn Minh Đường cho ông Nguyễn Tâm.

Việc chứng thực đối với trường hợp này là không đảm bảo theo quy định của Thông tư số 01/2020/TT-BTP. Vì nội dung lời chứng chứng thực Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế theo quy định của Thông tư số 01/2020/TT-BTP chỉ được chứng thực đối với nội dung phân chia di sản thừa kế, không được chứng thực đối với việc tặng cho tài sản không phải là di sản thừa kế. Do đó, trường hợp này cần phải tách thành 02 hồ sơ là hồ sơ chứng thực Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế (giữa bà Nguyễn Thị Ý với ông Nguyễn Tâm) và hồ sơ tặng cho tài sản (giữa bà Nguyễn Thị Ý, Đào Thị Nhậm, Nguyễn Thị Hựu, Nguyễn Minh Tuấn, Nguyễn Minh Đường với ông Nguyễn Tâm).

+ Hồ sơ số 176 ngày 14/10/2020: Thông tin thể hiện tại trang số 03 của Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế là bà Võ Thị Liên (chết năm 2020) và ông Lê Kính (chết năm 2017) để lại 08 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng qua kiểm tra hồ sơ và nội dung thể hiện về di sản từ trang số 03 đến trang số 6 của Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế thì người chết là bà Võ Thị Liên (chết năm 2020), để lại 09 Giấy CNQSDĐ; trong đó có 02 Giấy CNQSDĐ mang tên bà

Võ Thị Liên là Giấy CNQSDĐ số AI568000 (đất ở) và Giấy CNQSDĐ AI 577573 (đất trồng cây hàng năm khác); 07 Giấy CNQSDĐ mang tên hộ bà Võ Thị Liên là các Giấy CNQSDĐ AI 577580 (đất trồng cây hàng năm khác), Giấy CNQSDĐ AI 577579 (đất trồng lúa), Giấy CNQSDĐ AI 577578 (đất trồng lúa), Giấy CNQSDĐ AI 577577 (đất trồng lúa), Giấy CNQSDĐ AI 577576 (đất trồng cây hàng năm khác), Giấy CNQSDĐ AI 577575 (đất trồng cây hàng năm khác) và Giấy CNQSDĐ AI 577574 (đất trồng lúa).

Bà Võ Thị Liên có 03 người con là Lê Thị Liên, Lê Đáng và Lê Kính. Ông Lê Kính có vợ là Nguyễn Thị Nhiên và 05 người con là Lê Văn Vinh, Lê Văn Dự, Lê Văn Phước, Lê Thị Thảo Sương, Lê Văn Qui. Thời điểm cấp 07 Giấy CNQSDĐ nông nghiệp, hộ bà Võ Thị Liên có 08 người gồm: Võ Thị Liên, Lê Kính, Nguyễn Thị Nhiên, Lê Văn Vinh, Lê Văn Dự, Lê Văn Phước, Lê Thị Thảo Sương, Lê Văn Qui. Nội dung của Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngoài việc khai nhận và tặng cho phần di sản thừa kế được hưởng của bà Lê Thị Liên, Lê Đáng, Nguyễn Thị Nhiên, Lê Văn Vinh, Lê Văn Dự, Lê Văn Phước, Lê Thị Thảo Sương cho ông Lê Văn Qui, còn có nội dung thỏa thuận tặng cho phần tài sản trong khối tài sản chung của các Giấy CNQSDĐ nông nghiệp do bà Võ Thị Liên đại diện hộ gia đình đứng tên từ bà Nguyễn Thị Nhiên, Lê Văn Vinh, Lê Văn Dự, Lê Văn Phước, Lê Thị Thảo Sương cho ông Lê Văn Qui.

Việc chứng thực đối với trường hợp này là không đảm bảo theo quy định của Thông tư số 01/2020/TT-BTP. Vì nội dung lời chứng chứng thực Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế theo quy định của Thông tư số 01/2020/TT-BTP chỉ được chứng thực đối với nội dung phân chia di sản thừa kế, không chứng thực đối với việc tặng cho tài sản không phải là di sản thừa kế. Do đó, trường hợp này cần phải tách thành 02 hồ sơ là hồ sơ chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế (giữa bà Lê Thị Liên, Lê Đáng, Nguyễn Thị Nhiên, Lê Văn Vinh, Lê Văn Dự, Lê Văn Phước, Lê Thị Thảo Sương với ông Lê Văn Qui) và hồ sơ tặng cho tài sản (giữa bà Nguyễn Thị Nhiên, Lê Văn Vinh, Lê Văn Dự, Lê Văn Phước, Lê Thị Thảo Sương với ông Lê Văn Qui).

### **III. KẾT LUẬN**

#### **1. Ưu điểm**

Công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND xã Phổ Cường, trong năm qua, đã đạt được một số kết quả nhất định: Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hộ tịch và chứng thực được Lãnh đạo UBND xã quan tâm, chỉ đạo thực hiện; giải quyết các việc về đăng ký hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch cơ bản thực hiện đúng quy định pháp luật; việc sử dụng biểu mẫu về hộ tịch, chứng thực đảm bảo theo biểu mẫu quy định.

#### **2. Tồn tại, sai sót**

Công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND xã Phổ Cường tuy đã đạt được một số kết quả nhưng quá trình thực hiện vẫn còn những tồn tại, sai sót. Cụ thể:

##### **2.1. Đăng ký hộ tịch**



- 11 trường hợp (các số 03, 27, 33, 82, 139, 157, 365/2020 trong Sổ đăng ký khai sinh; tại số 01, 37/2020 trong Sổ đăng ký kết hôn; tại số 01/2020 trong Sổ đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch; tại số 10/2020 trong Sổ đăng ký khai tử), công chức tư pháp - hộ tịch sửa chữa thông tin không đúng quy định tại khoản 1 Điều 26 Thông tư số 15/2015/TT-BTP (nội dung này được quy định tại khoản 1 Điều 35 Thông tư số 04/2020/TT-BTP).

- 06 trường hợp (các số 05, 41, 83, 255, 379/2020 trong Sổ đăng ký khai sinh; số 49/2020 trong Sổ đăng ký kết hôn), công chức tư pháp - hộ tịch ghi không đầy đủ thông tin ở các mục, vi phạm quy định tại Khoản 5 Điều 19 Thông tư số 15/2015/TT (nội dung này được quy định tại khoản 5 Điều 29 Thông tư số 04/2020/TT-BTP).

- 02 trường hợp (hồ sơ số 300, 306/2020), UBND xã đăng ký lại khai sinh, nội dung khai sinh đăng ký lại không đúng với giấy tờ, tài liệu kèm theo, vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 26 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP.

- Nhiều trường hợp, UBND xã đăng ký lại khai sinh, cơ sở xác định kết quả xác minh về thông tin cha mẹ của người yêu cầu đăng ký lại khai sinh chưa đảm bảo quy định tại khoản 4 Điều 9 Thông tư số 04/2020/TT-BTP, như: Hồ sơ số 300, 301, 303, 308, 309, 316, 318, 319, 320, 321, 322, 339, 355/2020,....;

- 05 trường hợp (số 45, 65, 130, 183, 209/2020), UBND xã cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, tại mục “Tình trạng hôn nhân”, ghi không đúng quy định tại khoản 3 Điều 25 Thông tư số 15/2015/TT-BTP (nội dung này được quy định tại khoản 1 Điều 33 Thông tư số 04/2020/TT-BTP).

## **2.2. Chứng thực hợp đồng, giao dịch**

- 02 trường hợp (hồ sơ số 109, 136/2020), UBND xã chứng thực hợp đồng, giao dịch, ghi thông tin về ngày chứng thực không thống nhất.

- 02 trường hợp (hồ sơ số 122, 123/2020), UBND xã chứng thực hợp đồng tặng cho, ghi lời chứng chứng thực không chính xác.

- Việc vào sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch không theo thứ tự ngày tháng năm chứng thực, cụ thể: hồ sơ số 154 có ngày chứng thực là 30/9/2020 nhưng hồ sơ số 155 có ngày chứng thực là 29/9/2020.

- Một số trường hợp (hồ sơ số 147, 150, 175, 176/2020), UBND xã chứng thực Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, lời chứng chứng thực ghi không chính xác số tờ và số trang của Văn bản chứng thực.

- 01 trường hợp (hồ sơ số 175/2020), sửa chữa thông tin trong hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực không đúng quy định của khoản 2 Điều 39 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

- Nhiều trường hợp, UBND xã chứng thực Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế có 02 nội dung là phân chia di sản thừa kế và tặng cho phần tài sản của những người được hưởng thừa kế trong khối tài sản chung là không đảm bảo quy định về mẫu lời chứng Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BTP, như: hồ sơ số 147, 150, 159, 176/2020...

### **3. Trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan**

Chủ tịch UBND xã Phổ Cường là người có thẩm quyền ký các giấy tờ hộ tịch, chứng thực các hợp đồng, giao dịch và chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc thực hiện công tác này nhưng chưa sâu sát trong chỉ đạo, kiểm tra đối với công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch trên địa bàn; đồng thời, công chức tư pháp - hộ tịch chưa nghiên cứu sâu quy định pháp luật. Do đó, việc thực hiện đăng ký hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND xã còn một số tồn tại, sai sót như đã nêu trên.

### **IV. KIẾN NGHỊ**

Căn cứ Luật Thanh tra năm 2010 và các văn bản có liên quan, trên cơ sở kết quả thanh tra, xét tính chất và mức độ các sai phạm; Giám đốc Sở Tư pháp kiến nghị như sau:

#### **1. Đối với UBND xã Phổ Cường**

**1.1.** UBND xã tiếp tục phát huy những kết quả đạt được trong công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch; đồng thời, tổ chức rút kinh nghiệm đối với những tồn tại, sai sót đã nêu tại Mục II, III Kết luận này.

**1.2.** Chủ tịch UBND xã chỉ đạo công chức tư pháp - hộ tịch rà soát, khắc phục những sai sót, cụ thể:

- Về hồ sơ đăng ký hộ tịch: Bổ sung các thông tin còn thiếu tại các số 05, 41, 83, 255, 379/2020 trong Sổ đăng ký khai sinh; số 49/2020 trong Sổ đăng ký kết hôn

- Về hồ sơ chứng thực hợp đồng, giao dịch: Kiểm tra, điều chỉnh thông tin chưa đúng, chưa thống nhất đối với các hồ sơ chứng thực hợp đồng, giao dịch số 109, 122, 123, 136, 147, 150, 154, 175, 176/2020.

**1.3.** Về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch: Lãnh đạo UBND và công chức tư pháp hộ tịch xã Phổ Cường cần nghiên cứu kỹ, nắm vững các quy định của Luật Hộ tịch năm 2014, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP, Thông tư số 04/2020/TT-BTP và các văn bản khác có liên quan để giải quyết các yêu cầu của công dân về đăng ký hộ tịch đúng quy định của pháp luật.

Ghi chép, sửa chữa thông tin trong Sổ hộ tịch theo đúng quy định Thông tư số 04/2020/TT-BTP; khi đăng ký lại khai sinh phải xác định nội dung khai sinh đúng quy định của khoản 5 Điều 26 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; đồng thời phải đảm bảo giấy tờ, tài liệu làm cơ sở cho việc đăng ký lại theo quy định Thông tư số 04/2020/TT-BTP; đối với các hồ sơ đăng ký lại khai sinh, không có giấy tờ chứng minh quan hệ cha, mẹ, con, UBND xã phải có văn bản đề nghị cơ quan công an có thẩm quyền xác minh thông tin về cha mẹ của người yêu cầu đăng ký lại khai sinh. Nếu cơ quan công an có thẩm quyền có văn bản trả lời không có thông tin hoặc không có văn bản trả lời thông tin về cha mẹ của người yêu cầu đăng ký lại khai sinh thì công chức tư pháp - hộ tịch hướng dẫn công dân làm văn bản cam đoan về thông tin của cha, mẹ của người đăng ký lại khai sinh theo quy định tại khoản 4, Điều 9 Thông tư số 04/2020/TT-BTP.

#### **1.4. Về công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch:**

- Khi thực hiện chứng thực hợp đồng, giao dịch, tùy vào đối tượng tài sản của hợp đồng, giao dịch, ngoài việc tuân thủ các quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và Thông tư số 01/2020/TT-BTP; các bên tham gia giao dịch và cơ quan có thẩm quyền chứng thực cần phải tuân thủ các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

- Ghi chép thông tin trong văn bản chứng thực đầy đủ, chính xác; sửa chữa thông tin trong hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực đúng quy định của khoản 2 Điều 39 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; khi thực hiện chứng thực, phải xem xét nội dung của giao dịch để áp dụng đúng mẫu lời chứng được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BTP.

- Theo hướng dẫn của Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực - Bộ Tư pháp tại Công văn số 842/HTQTCT-CT ngày 26/5/2016 về việc quán triệt thực hiện một số quy định về chứng thực: Theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, người yêu cầu chứng thực phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung, tính hợp pháp của hợp đồng, giao dịch; người thực hiện chứng thực chịu trách nhiệm về thời gian, địa điểm giao kết hợp đồng, giao dịch; năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện, chữ ký hoặc điểm chỉ của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch. Quy định như vậy không có nghĩa là người thực hiện chứng thực không phải chịu trách nhiệm gì đối với hợp đồng, giao dịch có nội dung trái pháp luật, đạo đức xã hội mà với trách nhiệm của một cán bộ, công chức bắt buộc phải biết để từ chối chứng thực theo quy định tại Khoản 2 Điều 35 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP. Do vậy, để bảo vệ quyền lợi của người dân và bảo đảm thực hiện đúng quy định pháp luật, khi chứng thực hợp đồng giao dịch, Chủ tịch UBND xã Phổ Cường phải xem xét đến nội dung của hợp đồng, giao dịch, đặc biệt đối với hợp đồng, giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất.

## **2. Đối với Phòng Tư pháp thị xã Đức Phổ**

Đề nghị phòng Tư pháp thị xã Đức Phổ thường xuyên kiểm tra công tác đăng ký hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch trên địa bàn nhằm phát hiện những sai sót, tồn tại để chấn chỉnh, sửa chữa kịp thời; hàng năm, xây dựng kế hoạch, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch, chứng thực cho công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã nhằm nâng cao trình độ, kỹ năng trong quá trình giải quyết các việc đăng ký hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Yêu cầu UBND xã Phổ Cường tổ chức niêm yết công khai Kết luận thanh tra này tại trụ sở làm việc của UBND xã trong 15 ngày liên tục theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 46 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ. Trong thời hạn 30 ngày, UBND xã Phổ Cường phải báo cáo kết quả thực hiện Kết luận thanh tra về Sở Tư pháp (qua Thanh tra Sở) để theo dõi, kiểm tra, đôn**

độc theo quy định tại Nghị định số 33/2015/NĐ-CP ngày 27/3/2015 của Chính phủ.

**2.** Giao Chánh Thanh tra Sở Tư pháp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra và báo cáo Giám đốc Sở theo quy định./.

***Nơi nhận:***

- UBND xã Phở Cường;
- Thanh tra Bộ Tư pháp;
- Thanh tra tỉnh;
- UBND thị xã Đức Phổ;
- Phòng Tư pháp thị xã Đức Phổ;
- GD, các PGĐ Sở;
- CVP, CTTr sở;
- Trang TTĐT Sở;
- Lưu: VT, TTr (dt).

**GIÁM ĐỐC**

**Tôn Long Hiếu**